

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2783 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ Yên Nhân**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Công ty Cổ phần xăng dầu Việt Dũng Hưng Yên số 27/CV-
CHXDVD ngày 02/12/2024 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
613/TTr-STNMT ngày 11 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ Yên Nhân” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần xăng dầu Việt Dũng Hưng Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

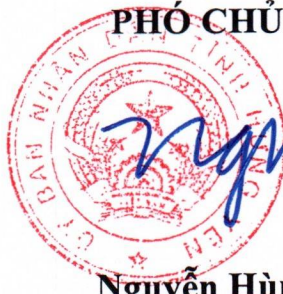
Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 2/

Nơi nhận: ngl

- Vụ Môi trường thuộc Bộ TNMT (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Mỹ Hào;
- UBND phường Bần Yên Nhân;
- Công ty Cổ phần xăng dầu Việt Dũng Hưng Yên;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Công TTĐT tỉnh (đăng tải công khai);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^L.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ Yên Nhân
(Kèm theo Quyết định số 2783 /QĐ-UBND ngày 12 /12/2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ Yên Nhân.
- Địa điểm thực hiện: Phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần xăng dầu Việt Dũng Hưng Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Diện tích thực hiện dự án 5.668 m² thuộc địa bàn phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Gồm 02 vị trí:
 - + Vị trí số 1 có diện tích 4.287 m².
 - + Vị trí số 2 có diện tích 1.381 m².
- Mục tiêu dự án: Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy; bãi đỗ xe, ăn uống và dịch vụ lưu trú.
 - Quy mô, công suất thiết kế: 15.000 lượt khách/năm, trong đó:
 - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy: 720 lượt khách/năm.
 - + Dịch vụ ăn uống và dịch vụ lưu trú: 14.280 lượt khách/năm.
 - Cơ cấu sử dụng đất của dự án: Theo Tổng mặt bằng điều chỉnh của dự án Cửa hàng kinh doanh xăng dầu và dịch vụ Yên Nhân ban hành kèm theo Thông báo số 438/TB-SXD ngày 30/12/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên.

TT	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ chiếm đất (%)	Hệ số SDD (lần)	Tầng cao tối đa (tầng)
1	Đất xây dựng công trình	2.123,0	37,46	2,94	9
2	Đất giao thông, sân bãi	2.889,0	50,97		
3	Đất cây xanh	656,0	11,57		
	Tổng cộng	5.668,0	100		

1.3. Công nghệ sản xuất, kinh doanh

- Quy trình hoạt động dịch vụ lưu trú: Khách đến lưu trú → đăng ký lễ tân, chọn phòng → nhận phòng và lưu trú → kiểm phòng, trả phòng và thanh toán.
Hoạt động lưu trú có 165 phòng; không thực hiện đầu tư các máy giặt công nghiệp để giặt khăn, chăn, màn,... tại dự án.
- Quy trình hoạt động dịch vụ ăn uống: Khách đến ăn uống → nhận bàn, lựa chọn thực đơn → nhà bếp chế biến món ăn → khách hàng ăn uống → tính tiền.
Hoạt động dịch vụ ăn uống với 421 suất ăn/ngày.
- Quy trình hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy: Xe vào sửa chữa → vệ sinh xe → dây chuyền tháo → kiểm tra → sửa chữa các bộ phận → dây chuyền lắp ráp → thử xe → giao xe và thanh toán.
Thực hiện tiếp nhận sửa chữa xe máy, ô tô từ 16 chỗ trở xuống; cam kết không thực hiện sơn, sấy, mài, bả matit, đóng thùng bệ tại dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 521,1 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa xe; nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của công nhân viên, khách hàng phục vụ dịch vụ lưu trú, ăn uống; mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động dịch vụ ăn uống của nhà bếp; bụi, khí thải từ hoạt động sửa chữa xe; mùi, khí thải từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, máy phát điện dự phòng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, coliform.

+ Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị; hoạt động thi công xây dựng dự án phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Vị trí 1: Không phát sinh nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động dịch vụ ăn uống và dịch vụ lưu trú, sinh hoạt của công nhân viên khoảng 97,8 m³/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, coliform.

+ Vị trí 2:

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa xe khoảng 2,4 m³/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, các kim loại nặng, tổng dầu mỡ khoáng.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân lao động trực tiếp và nhân viên văn phòng, lễ tân khoảng 7,14 m³/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ, coliform.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành:

+ Mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động dịch vụ ăn uống của nhà bếp.

+ Bụi, khí thải từ hoạt động sửa chữa xe: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động các các phương tiện rà vào sửa chữa; dự báo mức độ tác động không đáng kể.

+ Mùi, khí thải từ khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải với thành phần đặc trưng là khí H_2S , CH_4 , ...

+ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển, máy phát điện dự phòng chủ yếu là các khí CO , NO_x . Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,01 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nylon, giấy, hộp cơm...

+ Chất thải rắn thông thường gồm: Phát sinh khoảng 1.310 kg trong quá trình thi công xây dựng, gồm: thảm thực vật phát quang, đất cát, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép.

+ Khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa khoảng 104,2 m³ được tận dụng để trồng cây xanh tại dự án, không vận chuyển ra ngoài khuôn viên dự án.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 41 kg trong quá trình xây dựng, gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải; pin, ắc quy thải; các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao tay,...); đầu mẫu que hàn.

- Giai đoạn vận hành:

+ Vị trí 1:

Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 159,322 tấn/năm, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nylon, giấy, hộp cơm...

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng khoảng 120 kg/năm, gồm chủ yếu: màng lọc than hoạt tính từ nhà bếp thải bỏ. Ngoài ra, còn bùn thải từ hệ thống bể tự hoại, hố ga thoát nước và hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 132 kg/năm, gồm: Hộp, mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; pin thải; các loại bao bì thải chứa thành phần nguy hại như bình xịt phòng các loại, bình ắc quy,...

+ Vị trí 2:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng khoảng 9.428 kg/năm, gồm chủ yếu: giấy, bìa, ghim, bút bi, băng keo,.. từ hoạt động văn phòng, điều hành; sắt, nhựa, kính phụ tùng, săm, mút, da,... hỏng từ hoạt động của gara sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy. Ngoài ra, còn bùn thải từ hệ thống bể tự hoại, hố ga thoát nước và hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 2.694 kg/năm, gồm: các giẻ lau dính dầu mỡ thải; cặn dầu nhớt thải; ốc quy chì thải; bao bì cứng chứa thành phần phần nguy hại thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, máy phát điện dự phòng.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải tác động đến môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động loại 2.000 lít; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả ra môi trường.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom về hố ga lắng cặn đảm bảo vệ sinh môi trường, tái sử dụng cho quá trình thi công, không thải ra môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Vị trí 1:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ vị trí 1 được xử lý sơ bộ qua 09 bể tự hoại có tổng thể tích 17 m^3 , nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ có thể tích $2,6 \text{ m}^3$, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải nước thải công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, quy trình: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ $\rightarrow$ bể thu gom $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể thiếu khí $\rightarrow$ bể hiếu khí $\rightarrow$ bể lắng sinh học $\rightarrow$ lọc áp lực $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ nước thải sau xử lý đạt QCVN 01:2019/HY ($K=1,0$, $K_{hy}=0,85$) thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X=2316870,650$; $Y=556402,465$.

+ Vị trí 2: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại có thể tích 10 m^3 ; nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa xe được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu có thể tích $0,6 \text{ m}^3$, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải nước thải công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Hệ thống xử lý nước thải nước thải công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, quy trình: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ + nước thải rửa xe sau xử lý sơ bộ $\rightarrow$ bể gom $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể xử lý hóa lý $\rightarrow$ bể lắng hóa lý $\rightarrow$ bể thiếu khí $\rightarrow$ bể hiếu khí $\rightarrow$ bể lắng sinh học $\rightarrow$ lọc áp lực $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ nước thải sau xử lý đạt QCVN 02:2019/HY ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$, $K_{hy}=0,85$) thải ra hệ thống thoát nước

chung của khu vực thuộc địa bàn phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Tọa độ điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X=2316806,075$; $Y=556343,169$.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh đảm bảo đạt QCDP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,0$, $K_{hy}=0,85$); QCDP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$, $K_{hy}=0,85$) thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực thuộc địa bàn phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

+ Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công.

+ Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh Dự án để hạn chế bụi.

+ Lắp đặt tấm chắn để hạn chế bụi phát sinh ra xung quanh khu vực thi công.

+ Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động

- Giai đoạn vận hành:

+ Thực hiện các biện pháp quy hoạch, bố trí khu vực ăn uống, lưu trú đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường.

+ Lắp đặt hệ thống hút, hấp phụ mùi, hơi dầu mỡ khu vực nhà bếp bằng than hoạt tính, giảm thiểu tác động đến các đối tượng xung quanh.

+ Thiết kế nhà xưởng, bố trí hệ thống thông gió cục bộ tại vị trí gara sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy.

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung; các yêu cầu vận hành và giám sát trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Tăng cường trồng cây xanh, cảnh quan môi trường; công tác vệ sinh công nghiệp, điều tiết các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.

+ Đảm bảo điều kiện làm việc của người lao động theo quy chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế; không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng chứa dung tích 100 lít để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
 - + Chất thải rắn xây dựng: Thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
 - + Chất thải nguy hại: Bố trí 03 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng để thu gom, lưu giữ tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Giai đoạn vận hành:
 - + Vị trí 1: Bố trí phương tiện, thiết bị đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; bố trí, xây dựng kho lưu giữ tạm thời chất thải rắn có diện tích 06 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
 - + Vị trí 2: Bố trí phương tiện, thiết bị đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; bố trí, xây dựng kho lưu giữ tạm thời chất thải rắn có diện tích 06 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
 - Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ra không vượt quá giới hạn cho phép.
- Giai đoạn vận hành:
 - + Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn.
 - + Tăng cường trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh để tạo cảnh quan môi trường tại dự án.
 - + Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân làm việc tại Dự án.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

** Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 02 điểm.
- Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu và cuối khu đất thực hiện dự án đường giao thông và khu vực trường học gần dự án.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/01 lần trong quá trình xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát nước thải:*

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ nước thải theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

** Giám sát chất thải rắn:*

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất trồng lúa trình cấp có thẩm quyền chấp thuận và bảo vệ, sử dụng lượng đất hữu cơ này theo quy định tại Luật Trồng trọt, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai và vận hành Dự án. Thực hiện các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để tiết kiệm, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./